

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI



TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Địa điểm: Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Thời gian	Nội dung chương trình Đại hội
Từ 7h30 đến 8h00	Đón tiếp đại biểu; đăng ký danh sách dự họp; phát tài liệu, thẻ biểu quyết cho cổ đông.
Từ 8h00 đến 8h20	Khai mạc
	Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội.
	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự . Giới thiệu Chủ tọa, Đề cử Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu.
	Phổ biến Quy chế làm việc của Đại hội.
	Thông qua chương trình Đại hội.
Từ 8h20 đến 10h30	Nội dung chính
	- Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị công ty 14 tháng (Từ 11/2015 đến 12/2016) và kế hoạch năm 2017.
	- Trình bày Báo cáo tài chính 14 tháng đã được kiểm toán.
	- Tờ trình v/v phân phối lợi nhuận 14 tháng (Từ 01/11/2015 đến 31/12/2016).
	- Tờ trình v/v phân phối lợi nhuận năm 2017.
	- Tờ trình v/v quyết toán chi trả thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS năm 2015, 2016 và Kế hoạch năm 2017.
	- Báo cáo của Ban Kiểm soát v/v kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD từ 01/11/2015 – 31/12/2016
	- Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính 2017
	- Tờ trình v/v bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty.
	- Thảo luận, đóng góp ý kiến. - Biểu quyết thông qua các báo cáo và Tờ trình.
Từ 10h30 đến 10h45	Nghỉ giải lao
Từ 10h45 đến 11h15	Báo cáo kết quả kiểm phiếu.
	Trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội.
	Trình bày Biên bản Đại hội.
11h15	Bế mạc Đại hội
	Phát biểu kết thúc Đại hội.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 3 năm 2017

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty,

1. Những quy định chung:

- Quy chế làm việc này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 của Công ty CP Môi trường Sonadezi.

- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham dự họp, điều kiện và thể thức tiến hành họp.

- Cổ đông và các bên tham dự có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy chế này.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Điều hành hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty theo Chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết, hướng dẫn các cổ đông thảo luận và biểu quyết các nội dung của Đại hội.

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

- Làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

3. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký

- Thư ký do Chủ tọa giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung, diễn biến của Đại hội.

- Dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông

4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra điều kiện tiến hành họp

- Ban kiểm tra điều kiện tiến hành họp do Hội đồng Quản trị đề cử.
- Ban kiểm tra điều kiện tiến hành họp thực hiện đăng ký cho các cổ đông đến dự họp, phát tài liệu liên quan đến cuộc họp, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành họp.

5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông.
- Kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông.
- Giao lại biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Chủ tọa.

6. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

6.1. Điều kiện tham dự:

Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

6.2. Quyền của cổ đông:

- Được nhận 01 Thẻ biểu quyết, 01 Phiếu biểu quyết và Tài liệu Đại hội.
- Được quyền thảo luận và tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc chương trình đại hội.

6.3 Nghĩa vụ của cổ đông:

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi đăng ký tham dự họp phải có giấy tờ tùy thân (CMND hoặc Hộ chiếu ...).
- Thông báo cho Ban tổ chức được biết về các sai sót liên quan đến thông tin của cổ đông khi đăng ký.

- Cổ đông khi có ý kiến góp ý thảo luận hoặc cần tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa mời, cổ đông sẽ bắt đầu phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút. Nội dung phát biểu ngắn gọn, súc tích, tránh trùng lặp. Tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi phù hợp với chương trình nghị sự đã được Đại hội thông qua. (Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi nội dung ý kiến vào giấy gửi cho Thư ký Đại hội).

- Trong quá trình diễn ra cuộc họp, cổ đông khi có nhu cầu cá nhân cần ra ngoài hội trường phải giữ gìn trật tự để tránh làm phiền các cổ đông khác cũng như làm gián đoạn tiến trình họp và công việc của Chủ tọa.

- Người được ủy quyền tham dự họp không được ủy quyền lại cho người khác.
- Trong thời gian họp, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- Các cổ đông phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu.
- Cổ đông, người đại diện của cổ đông tham dự họp phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này. Nếu vi phạm tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b khoản 7 Điều 142 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết. Các phiếu biểu quyết sau khi đã được điền ý kiến của cổ đông theo đúng quy định phải nộp lại cho Ban kiểm phiếu.
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

7. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% /tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

8. Thể lệ biểu quyết

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và điền vào Phiếu biểu quyết.
- Các cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông có quyền tham dự họp đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.
- Thông qua Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - + Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51%/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.
 - + Đối với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi và các nội dung nêu tại khoản 1 Điều 144 của Luật Doanh nghiệp được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% /tổng số

cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

9. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

- Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội lưu giữ tại Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi.

10. Trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông không thành

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Mục 6 của Quy chế này thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai phải được tiến hành trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành cuộc họp thứ nhất.

- Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành như quy định trên, thì việc triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến tiến hành. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông tới dự họp.

- Thời hạn để xác định các tỷ lệ nêu tại khoản 1 và khoản 2 Mục này là trong vòng 30 phút kể từ thời điểm dự định khai mạc.

Quy chế này được áp dụng tại Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi ngay sau khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51%/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp biểu quyết thông qua./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lương Minh Hiền

Số: 90/BC-SZE-HĐQT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO
Về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty 14 tháng
(Tháng 11/2015-12/2016) và kế hoạch năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

A- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Từ tháng 11/2015 đến tháng 12/2016 là những tháng đầu tiên Công ty hoạt động với loại hình Công ty Cổ phần. Công ty đã tập trung thực hiện tốt các dịch vụ công cộng do UBND thành phố Biên Hòa đặt hàng, tăng cường khai thác và thu gom rác hộ dân của Thành phố Biên Hòa, thu gom rác tại các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu theo chủ trương Đề án đã được duyệt.

Trong năm công ty bị giảm một số công việc như: Công tác chăm sóc cây xanh, công tác quản lý vận hành, duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, công tác duy tu cầu, đường, mương cống do thành phố giảm khối lượng đặt hàng nên sẽ ảnh hưởng đến công tác thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016 và các năm tiếp theo.

Ngoài ra, thực hiện theo chủ trương của UBND Tỉnh, Công ty đã chấm dứt chôn lấp rác tại phường Trảng Dài. Lượng rác thu gom được vận chuyển và xử lý tại Khu xử lý rác xã Vĩnh Tân từ ngày 01/3/2016.

Công ty cũng mở rộng, khai thác các loại hình dịch vụ đô thị đến các khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo uy tín với khách hàng, đồng thời tạo doanh thu, việc làm và thu nhập cho CB.CNV Công ty.

I. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được 14 tháng (Từ tháng 01/11/2015 đến tháng 31/12/2016)

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 02 tháng cuối năm 2015	Kế hoạch năm năm 2016	Kế hoạch 14 tháng	Thực hiện 14 tháng	Tỷ lệ thực hiện 14 tháng so với kế hoạch
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	38.000	261.129	299.129	394.423	131,86%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	5.320	28.694	34.014	50.796	149,34%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	4.150	22.955	27.105	42.100	155,32%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn	%	1,38%	7,65%	9,03%	14,03%	155,32%

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 02 tháng cuối năm 2015	Kế hoạch năm năm 2016	Kế hoạch 14 tháng	Thực hiện 14 tháng	Tỷ lệ thực hiện 14 tháng so với kế hoạch
5	Tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	3.667	21.339	25.006	30.293	121,14%
6	Lao động bình quân	Người	762	785	782	764	97,73%
7	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người	8,949	8,163	8,272	11,749	141,98%

Tổng doanh thu và thu nhập khác thực hiện 14 tháng so với kế hoạch đạt 131,86%, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 155,32%; chỉ tiêu tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước đạt 121,14% so với kế hoạch.

II. Tình hình thực hiện các dự án

1. Dự án khu xử lý rác thải sinh hoạt và công nghiệp 21,7ha tại xã Vĩnh Tân - huyện Vĩnh Cửu

Dự án bắt đầu thực hiện từ đầu năm 2015 với diện tích 21,7ha; Tổng công suất chôn lấp chất thải: 1.583.399 tấn/10 năm.

Tổng mức đầu tư: 339.200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi chín tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn*).

Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu: 31.881.000.000 đồng; Vốn ngân sách: 35.508.000.000 đồng; Số vốn còn lại do công ty huy động từ vốn vay và các nguồn hợp pháp khác.

Dự án được chia làm 5 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2015 - 2016 với các hạng mục đã thực hiện như sau: Hồ sinh hoạt 5, Hồ công nghiệp 2; Hệ thống xử lý nước thải 100 m³; Hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ.

+ Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 : **46.609.000.000 đồng.**

+ Giá trị khối lượng đã thực hiện GD : **23.845.000.000 đồng**

- Giai đoạn 2: Tiếp tục thực hiện từ năm 2017-2018 với các hạng mục sau: Hồ sinh hoạt 3 và 4; Hệ thống xử lý nước rỉ rác modul 2 (80 m³/ngày.đêm); Phòng thí nghiệm; Nhà điều hành, nhà vận hành trạm cân; hạ tầng kỹ thuật; trồng cây xanh cách ly.

2. Dự án đầu tư xe chuyên dùng năm 2015 (giai đoạn 2): Đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng 04 xe ép rác chuyên dùng 12 tấn.

3. Dự án đầu tư xe chuyên dùng năm 2016 (giai đoạn 1): Đang thực hiện hợp đồng.

4. Dự án đầu tư xe xúc lật bánh lốp: Đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng 01 xe xúc lật bánh lốp đã qua sử dụng.

5. Dự án đầu tư lắp đặt giếng khoan khai thác nước ngầm phục vụ cho

hoạt động của Lò đốt rác y tế: Đã thi công xong. Hiện đang chờ cấp Giấy phép.

III. Công tác xây dựng đoàn thể- Quản lý nguồn nhân lực

1. Công tác xây dựng đoàn thể

Hoạt động tổ chức Đảng, công tác Đoàn thể của công ty luôn được chú trọng và duy trì. Lãnh đạo, cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ được giao, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Công ty.

2. Công tác quản lý nguồn nhân lực

Tổng số lao động thực tế có mặt đến hết ngày 31/12/2016 của công ty là 753 người, giảm 21 người so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu nhân sự của công ty thay đổi theo hướng giảm lao động do khối lượng công việc bị cắt giảm, do đó công ty phải có chế độ, sắp xếp lại lao động cho phù hợp với thực tế.

B. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của công ty gồm 7 thành viên gồm có:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu (Cổ phần)	Ghi chú
1	Bà Lương Minh Hiền	Chủ tịch	5.712.846	Đại diện sở hữu CP của Tổng Công ty
2	Ông Bạch Văn Hiền	Thành viên	4.500.000	Đại diện sở hữu CP của Tổng Công ty
3	Ông Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên	3.000.000	Đại diện sở hữu CP của Tổng Công ty
4	Bà Trần Võ Hoài Hương	Thành viên	1.500.000	Đại diện sở hữu CP của Tổng Công ty
5	Ông Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên	1.500.000	Đại diện sở hữu CP của Tổng Công ty
6	Bà Quách Ngọc Bửu	Thành viên	73.064	Đại diện sở hữu CP của CĐCS Công ty
7	Ông Võ Thành Tâm	Thành viên	65.757	Đại diện sở hữu CP của CĐCS Công ty

Trong giai đoạn từ 01/11/2015 đến 31/12/2016, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp và lấy ý kiến các thành viên để triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, thông qua các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh dài hạn và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị đã họp và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định như sau:

- Nghị quyết Họp Hội đồng quản trị lần thứ 01, thứ 02, thứ 03, thứ 04, thứ 05 nhiệm kỳ I (2015-2020); Nghị quyết ban hành các quy chế áp dụng trong Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi.

- Ban hành quyết định thực hiện các quy chế nhằm tăng cường công tác quản trị công ty như: Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ, Quy chế giám sát tài chính, Quy chế công bố thông tin, Quy chế trình tự thủ tục quy hoạch bổ nhiệm cán bộ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của các bộ phận trực thuộc công ty và các quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý...

- Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016; Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư năm 2016; Quyết định ban hành Quy định hệ thống thang lương, bảng lương công ty; Quyết định phê duyệt Đơn giá tiền lương và Quỹ lương kế hoạch năm 2016;

1. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên. Hội đồng Quản trị đã lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, đảm bảo lợi ích của cổ đông và quyền lợi của người lao động.

- Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Bên cạnh đó phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát Công ty để giám sát các vấn đề như:

+ Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Thông qua nội dung các cuộc họp và các báo cáo định kỳ, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất của Công ty để từ đó đưa ra những nhận xét và biện pháp chỉ đạo kịp thời.

+ Thông qua các báo cáo và ý kiến của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc Công ty.

+ Kiểm tra tình hình tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành khác.

2. Tiền lương của Ban Tổng giám đốc Công ty

Tiền lương thực hiện của Ban Tổng giám đốc được quyết toán như sau:

- 02 tháng cuối năm 2015: Tiền lương theo kế hoạch 190.000.000 đồng, tiền lương được quyết toán 285.000.000 đồng (Quyết toán theo Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội)

- Năm 2016: Tiền lương theo kế hoạch 1.246.560.000 đồng, tiền lương được quyết toán 1.475.442.000 đồng (quyết toán theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội).

3. Quan hệ cổ đông

Công ty luôn cập nhật và công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, trên website của Công ty và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

C. KẾ HOẠCH NĂM 2017

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Phát triển 2017 so với KH 2016	Phát triển 2017 so với TH 2016
1	Doanh thu	1.000đ	246.997.000	94,6%	72,4%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.000đ	24.198.000	105,4%	70,3%
3	Tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước	1.000đ	21.422.000	100,4%	83,1%
5	Tỷ suất LNST/vốn	%	7,99	104,4%	69,6%
6	Lao động bình quân	người	747	95,2%	97,8%
7	Thu nhập bình quân	đ/người	9.895.064	121,2%	84,0%

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 giảm so với thực hiện năm 2016 như doanh thu bằng 72,4%, Lợi nhuận sau thuế bằng 70,3%, tỷ suất lợi nhuận trên vốn bằng 69,6%, nộp ngân sách bằng 83,1% vì: dự kiến sẽ đấu thầu các dịch vụ công ích nên Công ty sẽ giảm tối đa lợi nhuận để cạnh tranh và đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

II. Định hướng năm 2017

- Tiếp tục triển khai thực hiện dự án khu xử lý rác thải sinh hoạt và công nghiệp 21,7ha tại xã Vĩnh Tân - huyện Vĩnh Cửu

- Đầu tư thêm phương tiện vận chuyển rác để đáp ứng nhu cầu mở rộng địa bàn thu gom, vận chuyển rác đến các huyện lân cận đồng thời thay thế các phương tiện cũ hết niên hạn sử dụng theo quy định.

- Chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo và huấn luyện nguồn nhân lực để đáp ứng định hướng phát triển của công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 14 tháng (Từ 11/2015 đến 12/2016) và kế hoạch năm 2017. Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HDQT. *h*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *h*
CHỦ TỊCH



h
Lương Minh Hiền

Số 17.143/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 02 năm 2017 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toán phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 23 tháng 12 năm 2015.



LỤC THỊ VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

HUYNH THỊ NGỌC TRINH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/11/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		271.987.019.493	231.734.441.483
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	73.062.912.258	58.999.066.700
1. Tiền	111		12.242.211.966	43.817.681.645
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.820.700.292	15.181.385.055
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		190.139.827.471	158.900.506.276
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	185.934.420.363	150.842.013.961
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.668.596.415	6.020.404.315
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.693.463.433	2.038.088.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(156.652.740)	-
III. Hàng tồn kho	140		7.506.436.027	9.988.957.183
1. Hàng tồn kho	141	5.5	7.506.436.027	9.988.957.183
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.277.843.737	3.845.911.324
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		212.616.000	266.360.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	1.065.227.737	3.579.551.324
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		222.242.129.647	142.484.824.888
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		102.372.050	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		102.372.050	-
II. Tài sản cố định	220		110.774.962.419	72.038.003.728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	110.774.962.419	72.038.003.728
Nguyên giá	222		241.544.211.141	181.581.999.912
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.769.248.722)	(109.543.996.184)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		92.284.512.613	44.126.445.534
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	92.284.512.613	44.126.445.534
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	7.500.000.000	7.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.580.282.565	18.820.375.626
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	11.455.912.888	18.820.375.626
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		124.369.677	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		494.229.149.140	374.219.266.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/11/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		148.962.070.335	66.768.689.009
I. Nợ ngắn hạn	310		148.962.070.335	66.768.689.009
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	30.203.017.749	8.305.604.823
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		225.645.787	685.940.629
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.177.920.707	3.551.068.264
4. Phải trả người lao động	314	5.11	41.688.090.372	26.805.473.109
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	4.144.306.909	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	105.681.811
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	54.857.124.024	7.528.890.959
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.14	16.665.964.787	19.786.029.414
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		345.267.078.805	307.450.577.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15.1	345.267.078.805	307.443.672.962
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	5.15.2	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	4.917.088.760
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.100.245.343	23.901.202
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	23.901.202
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.100.245.343	-
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.166.833.462	2.502.683.000
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	6.904.400
1. Nguồn kinh phí	431		-	6.904.400
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		494.229.149.140	374.219.266.371



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016 (Xem TM số 10)	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/10/2015 (Xem TM số 10)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	389.650.006.065	237.642.783.617
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		389.650.006.065	237.642.783.617
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	310.548.799.189	188.892.126.294
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.101.206.876	48.750.657.323
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.429.938.396	3.341.622.776
6. Chi phí tài chính	22		-	1.750.000.000
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	32.799.460.491	15.517.020.321
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.731.684.781	34.825.259.778
9. Thu nhập khác	31		1.343.113.599	1.338.406.773
10. Chi phí khác	32		278.699.106	15.312.224.115
11. Lợi nhuận khác	40		1.064.414.493	(13.973.817.342)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.796.099.274	20.851.442.436
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	8.820.223.608	4.461.146.571
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(124.369.677)	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.100.245.343	16.390.295.865
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.15.4	1.260	-
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.15.4	1.260	-



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

TỜ TRÌNH

**V/v phương án phân phối lợi nhuận 14 tháng
(Từ 01/11/2015 đến 31/12/2016)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty;

Căn cứ Quy chế quản lý Tài chính Công ty;

Căn cứ Kết quả kinh doanh 14 tháng (từ 01/11/2015 đến 31/12/2016) đã được kiểm toán,

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận 14 tháng (từ 01/11/2015 đến 31/12/2016) như sau:

- Phân phối quỹ đầu tư phát triển : 10% Lợi nhuận sau thuế TNDN.
- Phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% Lợi nhuận sau thuế TNDN.
- Phân phối Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, các cá nhân và các đơn vị hữu quan: 02% Lợi nhuận sau thuế TNDN.
- Phân phối Quỹ công tác xã hội cộng đồng: 01% Lợi nhuận sau thuế TNDN.
- Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức 14 tháng: **8%/14 tháng.**

STT	Nội dung	ĐVT	14 tháng
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	42.100.245.343
2	Phân phối các quỹ ((tương đương 23% lợi nhuận sau thuế)	đồng	9.683.056.430
2.1	- Quỹ đầu tư phát triển (10%LNST)	đồng	4.210.024.535
2.2	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%LNST)	đồng	4.210.024.535
2.3	- Quỹ thưởng Người quản lý; các cá nhân và các đơn vị hữu quan (02%LNST)	đồng	842.004.907
2.4	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (01%LNST)	đồng	421.002.453
3	Lợi nhuận sau thuế còn lại	đồng	32.417.188.913
4	Chia cổ tức	đồng	24.000.000.000
	- Tỷ lệ cổ tức	%	8,0%
	- Giá trị cổ phiếu để chia cổ tức	đồng	300.000.000.000
	- Giá trị chia cổ tức	đồng	24.000.000.000
5	Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức	đồng	8.417.188.913

Trên đây là phương án phân phối lợi nhuận 14 tháng, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: HĐQT. *th*



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *th*
CHỦ TỊCH

[Handwritten Signature]
Lương Minh Hiền

STT	Mô tả	Đơn vị	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	11.111.111,11
2	Chi phí bán hàng (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
4	Chi phí tài chính (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
5	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
6	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN (sau thuế)	Đồng	6.555.555,56
8	Chi phí phân phối (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
9	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
10	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
11	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
12	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
13	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
14	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
15	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
16	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
17	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
18	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
19	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11
20	Chi phí khác (trong tháng 12)	Đồng	1.111.111,11

TỜ TRÌNH

V/v phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty;

Căn cứ Quy chế quản lý Tài chính Công ty;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017,

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

- Phân phối quỹ đầu tư phát triển : 10% Lợi nhuận sau thuế TNDN.
- Phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% Lợi nhuận sau thuế TNDN.
- Phân phối Quỹ thưởng Người quản lý Công ty: tối đa không quá 252.000.000 đồng (theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH).
- Phân phối Quỹ thưởng các cá nhân và các đơn vị hữu quan: 01% Lợi nhuận sau thuế TNDN.
- Phân phối Quỹ công tác xã hội cộng đồng: 01% Lợi nhuận sau thuế TNDN.
- Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức năm 2017: 7%/năm.

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2017
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	24.198.000.000
2	Phân phối các quỹ (tương đương 23,04% lợi nhuận sau thuế)	đồng	5.575.560.000
2.1	- Quỹ đầu tư phát triển (10%LNST)	đồng	2.419.800.000
2.2	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%LNST)	đồng	2.419.800.000
2.3	- Quỹ thưởng Người quản lý Công ty (tương đương 1,04% LNST) (Theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH)	đồng	252.000.000
2.4	- Quỹ thưởng các cá nhân và các đơn vị hữu quan (01%LNST)	đồng	241.980.000
2.5	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (01%LNST)	đồng	241.980.000
3	Lợi nhuận sau thuế còn lại	đồng	18.622.440.000
3a	Lợi nhuận còn lại 2016 chuyển qua	đồng	8.417.188.913

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2017
4	Chia cổ tức	đồng	21.000.000.000
	- Tỷ lệ cổ tức	%	7,0%
	- Giá trị cổ phiếu để chia cổ tức	đồng	300.000.000.000
	- Giá trị chia cổ tức	đồng	21.000.000.000
5	Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức	đồng	6.039.628.913

Việc phân phối lợi nhuận năm 2017 sau khi đã có kết quả sản xuất kinh doanh chính thức năm 2017 sẽ được thực hiện theo tỷ lệ kế hoạch trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Riêng quỹ thưởng Người quản lý Công ty sẽ trích thực tế theo quỹ lương thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách theo Khoản 2, Điều 18 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH:

- Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì quỹ thưởng của người quản lý công ty tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách.

- Lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì quỹ thưởng của người quản lý công ty tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách.

Trên đây là phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: HĐQT. *vh*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lương Minh Hiền

Số: 93 /TTr-SZE-HĐQT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v chi trả Thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát Năm 2015, 2016 và Kế hoạch 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

A. Các căn cứ xác định mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015, 2016 và kế hoạch năm 2017:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi;
- Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Kết quả sản xuất kinh doanh (tháng 11,12) năm 2015 và năm 2016.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

B. Phần số liệu

I. Chi trả Thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2015 (tháng 11,12) và năm 2016:

STT	Nội dung	Số lượng	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
	Năm 2015		112.000.000	153.000.000	2 tháng (11+12/2015)
01	Thù lao Hội đồng quản trị		56.000.000	84.000.000	
	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	8.000.000	12.000.000	
	Thành viên Hội đồng quản trị	06	48.000.000	72.000.000	
02	Tiền lương và Thù lao Ban kiểm soát		65.000.000	69.000.000	
	Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát	01	57.000.000	57.000.000	
	Thù lao thành viên Ban kiểm soát	02	8.000.000	12.000.000	

	Năm 2016		612.000.000	734.400.000	
01	Thù lao Hội đồng quản trị		336.000.000	403.200.000	
	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	48.000.000	57.600.000	
	Thành viên Hội đồng quản trị	06	288.000.000	345.600.000	
02	Tiền lương và Thù lao Ban kiểm soát		276.000.000	331.200.000	
	Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát	01	228.000.000	273.600.000	
	Thù lao thành viên Ban kiểm soát	02	48.000.000	57.600.000	

(*) Ghi chú:

- Năm 2015: Thù lao (tháng 11,12) của HĐQT – Ban Kiểm soát thực hiện quyết toán theo thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH. Căn cứ vào kết quả SXKD (tháng 11,12/2015), lợi nhuận thực hiện đạt 150,76% so với cùng kỳ năm trước (2014) Công ty điều chỉnh hệ số quyết toán thù lao của HĐQT – BKS: 1.5 (tăng 50%) so với kế hoạch chi trả.

- Năm 2016: Thù lao của HĐQT- Ban Kiểm soát và Tiền lương của Trưởng ban Kiểm soát thực hiện quyết toán theo theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH. Căn cứ vào kết quả SXKD, lợi nhuận thực hiện đạt 142,71% so với kế hoạch. Công ty điều chỉnh hệ số quyết toán thù lao HĐQT – BKS và tiền lương của Trưởng ban kiểm soát: 1.2 (tăng 20%) so với kế hoạch chi trả.

II. Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Năm 2017:

1. Quỹ thù lao

- Quỹ thù lao kế hoạch được xác định trên cơ sở số người quản lý công ty không chuyên trách (9 người), thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý công ty chuyên trách.

- Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2017 của Người quản lý chuyên trách là 28.000.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao bình quân kế hoạch của Hội đồng quản trị: 5.600.000 đồng/người/tháng

- Số người quản lý không chuyên trách (thành viên Hội đồng quản trị): 07 người

=> Tổng quỹ thù lao kế hoạch của HĐQT năm 2017: 470.400.000 đồng.

(5.600.000 đồng/người/tháng x 07 người x 12 tháng = 470.400.000 đồng)

- Thù lao bình quân kế hoạch của Ban kiểm soát: 2.800.000 đồng/người/tháng.

- Số người quản lý không chuyên trách (Ban kiểm soát): 02 người

=> Tổng quỹ thù lao của Ban kiểm soát năm 2017: 67.200.000 đồng

(2.800.000 đồng/người/tháng x 02 x 12 tháng = 67.200.000 đồng)

2. Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát

Mức tiền lương kế hoạch của Trưởng ban kiểm soát: 24.000.000 đồng/tháng

=> **Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2017 của Trưởng Ban kiểm soát: 288.000.000 đồng**

(24.000.000 đồng x 12 tháng = 288.000.000 đồng)

3. Chi trả và quyết toán

Thù lao của HĐQT – Ban kiểm soát và tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát được chi trả hàng tháng theo quy chế trả lương (Người quản lý) của Công ty. Cuối năm căn cứ vào kết quả SXKD năm 2017, được quyết toán theo quy định hướng dẫn tại thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH:

3.1. Tiền lương thực hiện của Trưởng Ban kiểm soát:

+ Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD và lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương bình quân thực hiện bằng mức tiền lương bình quân kế hoạch.

+ Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD và lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

+ Công ty có lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận giảm so với kế hoạch, mức tiền lương thực hiện phải giảm trừ bằng 1% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

3.2. Quỹ thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số người quản lý công ty không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lương Minh Hiền

Số: 18/BC-SZE-BKS

Đồng Nai, ngày 06 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO

**V/v kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
từ ngày 01/11/2015 – 31/12/2016 tại Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ của Công ty;

Ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh từ 01/11/2015 đến 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi như sau:

A. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Thẩm định báo cáo tài chính:

Trên cơ sở báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/11/2015 đến 31/12/2016 của công ty và báo cáo soát xét thông tin tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam thực hiện, Ban Kiểm soát đã thẩm định và thống nhất các vấn đề sau:

Báo cáo tài chính của công ty trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; ngoại trừ ý kiến của kiểm toán viên đã soát xét BCTC cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2016 đưa ra ý kiến về việc phân bổ lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa DNNN, được công ty ghi nhận và phân bổ trong 10 năm theo Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 thay vì được phân bổ cho thời gian là 03 năm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Đến thời điểm 31/12/2016, công ty đã điều chỉnh lại phân bổ chi phí lợi thế thương mại khi cổ phần hóa trong thời gian 03 năm, nên ý kiến ngoại trừ này không còn trong báo cáo tài chính cuối năm 2016.

2. Đánh giá công tác kế toán:

Công ty thực hiện chế độ lập và gửi báo cáo và chấp hành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và kịp thời;

Hạch toán kế toán tương đối rõ ràng, sắp xếp lưu trữ chứng từ hợp lý, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu;

Sổ kế toán mở đầy đủ, chi tiết theo quy định;

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Qua quá trình giám sát các hoạt động tại Công ty từ 01/11/2015 đến 31/12/2016, Ban kiểm soát có các đánh giá sau:

I. Tình hình hoạt động SXKD 14 tháng:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD như sau:

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 02 tháng cuối năm 2015	Kế hoạch năm năm 2016	Kế hoạch 14 tháng	Thực hiện 14 tháng	Tỷ lệ thực hiện 14 tháng so với kế hoạch
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	38.000	261.129	299.129	394.423	131,86%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.150	22.955	27.105	42.100	155,32%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn	%	1,38%	7,65%	9,03%	14,03%	155,37%
4	Tổng số thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	3.667	21.339	25.006	30.293	121,14%
5	Tổng vốn đầu tư XD CB	Triệu đồng		64.850	64.850	76.988	118,71%

Tổng doanh thu và thu nhập khác thực hiện 14 tháng so với kế hoạch đạt 131,86%, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 155,32%; chỉ tiêu tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước đạt 121,14% so với kế hoạch.

Các chỉ tiêu trên đều đạt và vượt so với kế hoạch là do:

- + Công ty đã thực hiện tốt công tác tiết kiệm vật tư, nhiên liệu;
- + Lợi nhuận tự khai thác tăng do khối lượng thu gom rác sinh hoạt tại các cơ quan đơn vị tăng: vượt 42,8%;
- + Khối lượng thu gom vận chuyển và xử lý rác y tế tăng 39%, do ký kết được nhiều hợp đồng thu gom và xử lý rác y tế, dự kiến năm 2017 sẽ tăng thêm do Sở TNMT đang trình duyệt phương án thu gom, vận chuyển và xử lý rác y tế trên toàn địa bàn tỉnh Đồng Nai để công ty thực hiện;

Tuy nhiên vẫn còn một số công tác chưa đạt so với kế hoạch do Thành phố Biên Hòa thành lập Trung tâm phát triển cụm công nghiệp và dịch vụ công ích nên công ty phải bàn giao một số hạng mục công tác kể từ 01/09/2016 cụ thể như sau:

ST T	Hạng mục công tác	Khối lượng bàn giao cho Trung tâm DVCI từ 01/09/2016	Giá trị tạm tính (từ 1/9/2016 đến 31/12/2016)	Khối lượng còn lại Cty thực hiện từ 01/09/2016	Giá trị tạm tính (từ 1/9/2016 đến 31/12/2016)
1	Bảo quản chăm sóc cây xanh	10.484 cây	1.325.206.991	5.348 cây	398.420.196
2	Quản lý tủ điện	75 tủ	444.997.950	113 tủ	670.463.578
3	Quản lý đèn THGT	32 nút	647.109.120	13 nút	262.888.080

4	Duy tu sửa chữa đèn đường, đèn THGT	4.222 bóng	756.290.882	5.977 bóng	767.166.549
5	Mặt đường bê tông nhựa	87,567 km	1.057.075.698	50,014 km	603.747.720
6	Cầu	602 md	196.204.177	50 md	16.296.028
7	Duy tu có vật liệu		2.759.711.302		1.839.000.000
8	Nạo vét mương, cống	828,93 m3	1.476.091.828	120,36 m3	180.753.754
	Tổng cộng		8.662.687.948		4.738.735.905

Việc bàn giao này sẽ làm ảnh hưởng lớn đến công tác thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo. Việc bố trí, sắp xếp lại lao động dôi dư sao cho phù hợp, tiết kiệm được chi phí, tăng năng suất lao động và hiệu quả trong công tác.

2. Tình hình đầu tư, xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản Công ty:

2.1. Tình hình tăng giảm TSCĐ

Trong 14 tháng, công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm tài sản, xe chuyên dùng vận chuyển rác do nhu cầu phục vụ công tác sang tiếp rác tại Phường Trảng dài về bãi xử lý rác tại xã Vĩnh Tân Huyện Vĩnh cửu (sau khi bãi rác Trảng dài đóng cửa), đoạn đường dài thêm 40km.

- **Tình hình tăng tài sản cố định: 60.180.651.107 đồng;**

+ Nhà cửa, vật kiến trúc: 12.151.830.795 đồng;

+ Phương tiện vận tải: 41.392.254.203 đồng;

+ Máy móc thiết bị: 179.047.280 đồng;

+ Dụng cụ quản lý: 64.136.364 đồng;

+ Tài sản cố định khác: 6.393.382.465 đồng;

- **Tình hình giảm tài sản cố định: 643.500.000 đồng;**

+ Máy móc thiết bị: 48.500.000 đồng;

+ Phương tiện vận tải: 595.000.000 đồng;

2.2. Tình hình đầu tư tài chính :

Đến ngày 31/12/2016, giá trị khoản đầu tư đang theo dõi trên sổ sách như sau:

STT	Khoản đầu tư	Giá trị đầu tư (đồng)	Số lượng cổ phần (cp)	Cổ tức được chia năm 2016 (đồng)
1	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	7.500.000.000	500.000	750.000.000

2.3. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản :

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ 01/11/2015	Số dư cuối kỳ 31/12/2016
1	Công trình khu xử lý chất thải huyện Vĩnh cửu	42.786.113.605	92.112.660.378

2	C.trình bãi xử lý rác Trảng dài	161.139.218	144.144.508
3	Công trình lò đốt rác y tế	386.278.400	3.909
4	C.trình đường vào Nghĩa trang Long Thành	49.638.818	3.303.818
5	CTĐiểm tiếp rác xã Tân Hạnh	4.400.000	4.400.000
6	Đường vào khu xử lý chất thải H.vĩnh cửu	677.699.129	
7	Công trình khác		20.000.000
	Cộng	44.065.269.170	92.284.512.613

Trong đó: Giá trị xây dựng cơ bản dở dang của công trình khu xử lý chất thải huyện Vĩnh cửu chưa bàn giao vốn cho Ngân sách Nhà nước: 47.382.461.015 đồng (Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, đang chờ bàn giao cho trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, theo QĐ số 9709/UBND tỉnh Đồng Nai).

3. Về công tác quản trị doanh thu, chi phí và công nợ

- Doanh thu hoạt động tài chính là 3.429.938.000 đồng. Đây là khoản thu nhập có được do Công ty thực hiện đầu tư ngắn hạn (là khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn và không có kỳ hạn tại Ngân hàng Công thương Đồng Nai). Do đó, doanh thu hoạt động tài chính này mang tính tạm thời và không ổn định;

- Các khoản phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2016 là **185.934.420.363 đồng** (chủ yếu là Phòng Quản lý Đô thị Biên Hòa là **166.569.671.472 đồng** (chiếm tỷ lệ 89,58% là do khoản nợ luân chuyển qua các kỳ); các khách hàng khác: **19.364.748.891 đồng**) và công ty đã trích lập dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2016 là **156.652.740 đồng**;

- Qua số liệu công nợ, cho thấy công nợ chủ yếu là từ Nhà nước đặt hàng. Tuy nhiên việc để giá trị nợ cao cũng đồng nghĩa với việc bị chiếm dụng vốn. Đồng thời doanh thu cũng như sản lượng tiêu thụ chính đến từ hoạt động đặt hàng của Nhà nước. Vì vậy cho thấy hoạt động kinh doanh chính của Công ty bị phụ thuộc vào những chính sách và phương thức quản lý của Nhà nước.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Công ty thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, không để xảy ra tình trạng nợ thuế. Tổng số thuế đã nộp trong kỳ là 26.427.597.911 đồng.

5. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Công ty đã thực hiện chi trả thù lao theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 8/10/2015.

STT	Chỉ tiêu	Mức thù lao theo Nghị quyết (1người/tháng)	Thực hiện 14 tháng (T11,12/2015 và năm 2016)
1	Thù lao Hội đồng quản trị (7 người)	4.000.000đ/người/tháng	487.200.000 đồng
2	Thù lao Ban kiểm soát (2 người)	2.000.000đ/người/tháng	69.600.000 đồng

6. Phân phối lợi nhuận năm 2015-2016:

Lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua .

7. Tình hình cổ đông:

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Giá trị (đồng)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát triển KCN	192.128.460.000	19.212.846	64,04%
Công ty CP đầu tư XD BMT	39.000.000.000	3.900.000	13%
CĐ CTy CP Môi trường Sonadezi	1.500.000.000	150.000	0,5%
Cá nhân (776 cổ đông)	67.371.540.000	6.737.154	22,46 %
Cộng	300.000.000.000	30.000.000	100%

Tổng số cổ đông đến ngày 03/03/2017 là 779 cổ đông, tương đương 30.000.000 cổ phần (trong đó: 01 cổ đông nhà nước nắm giữ 19.212.846 cổ phần chiếm tỷ lệ 64,04% vốn điều lệ, 01 cổ đông nhà đầu tư chiến lược nắm giữ 3.900.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 13% vốn điều lệ, 01 cổ đông công đoàn Công ty nắm giữ 150.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,5% vốn điều lệ, 630 cổ đông là người lao động trong công ty nắm giữ 5.341.701 cổ phần chiếm tỷ lệ 17,81%, 146 cổ đông bên ngoài nắm giữ 1.395.453 cổ phần chiếm tỷ lệ 4,65% vốn điều lệ).

II. Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016:

1. Cơ cấu tổng tài sản, nguồn vốn

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư cuối kỳ 31/12/2016	Số dư đầu kỳ 01/11/2015
TÀI SẢN			
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	271.987.019.493	231.734.441.483
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	73.062.912.258	58.999.066.700
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	190.139.827.471	158.900.506.276
IV. Hàng tồn kho	140	7.506.436.027	9.988.957.183
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.277.843.737	3.845.911.324
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	222.242.129.647	142.484.824.888
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	102.372.050	-
II. Tài sản cố định	220	110.774.962.419	72.038.003.728
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	92.284.512.613	44.126.445.534
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7.500.000.000	7.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	11.580.282.565	18.820.375.626
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	494.229.149.140	374.219.266.371

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư cuối kỳ 31/12/2016	Số dư đầu kỳ 01/11/2015
NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	148.962.070.335	66.768.689.009
I. Nợ ngắn hạn	310	148.962.070.335	66.768.689.009
II. Nợ dài hạn	330	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	345.267.078.805	307.450.577.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	345.267.078.805	307.443.672.962
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	6.904.400
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	494.229.149.140	374.219.266.371

Qua số liệu trên cho thấy:

- Tổng tài sản, tổng nguồn vốn của công ty tại thời điểm 31/12/2016: 494,2 tỷ đồng, tăng 132,08% (tương đương 120 tỷ đồng) so với đầu kỳ 01/11/2015 là 374,2 tỷ đồng;

- Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 345,26 tỷ đồng, tăng 112,30% (tương đương 37,81 tỷ đồng) so với đầu kỳ 01/11/2015 là 307,45 tỷ đồng

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số dư cuối kỳ (31/12/2016)	Số dư đầu kỳ (01/11/2015)
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	44,97	38,08
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	55,03	61,92
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	30,14	17,84
	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	69,86	82,16
	Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	43,14	21,71
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,82	3,47
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,77	3,32
4	Tỷ suất sinh lợi			
	Tỷ suất LNST/ Tổng tài sản	%	8,51%	4,38%
	Tỷ suất LNST/ Vốn CSH	%	12,19%	5,33%
	Tỷ suất LNST/ Doanh thu	%	10,67%	6,89%

3. Đánh giá:

Tính đến ngày 31/12/2016, các chỉ tiêu tài chính của công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh về hoạt động của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán đều thể hiện công ty có tình hình tài chính tốt,

bảo toàn và phát triển vốn, đồng thời sử dụng vốn hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu tăng so với đầu năm, cụ thể là:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 tăng 12,19% so với đầu kỳ 01/11/2015 là 5,33%;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu tại thời điểm 31/12/2016 tăng 10,67% so với đầu kỳ 01/11/2015 là 6,89%.

C. ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

I. Đánh giá hoạt động của HĐQT công ty:

Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên, trong đó 06 thành viên kiêm nhiệm trong Ban điều hành công ty. Các thành viên đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty, cụ thể là:

- Đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất năm 2015, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và bất thường để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty;

- Thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Đã ban hành các quy chế nhằm tăng cường công tác quản trị công ty như Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế quản lý tài chính Công ty, Quy chế công bố thông tin, ...

- Đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị được Bộ Tài chính công nhận và thực hiện công tác kiểm toán một cách khách quan, chặt chẽ, khoa học và hiệu quả.

II. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

Ban Tổng giám đốc gồm 04 thành viên, Tổng giám đốc đã thực hiện phân công công việc từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc hợp lý, mỗi thành viên đều phát huy và nêu cao vai trò trách nhiệm của mình trong công việc;

Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, thực hiện chức năng và quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của công ty, chấp hành đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định;

Ban Tổng Giám đốc xây dựng các giải pháp nhằm phát triển Công ty ổn định, bền vững;

Các chế độ, quyền lợi người lao động được thực hiện theo Bộ luật lao động, Điều lệ Công ty. Việc chi trả lương hàng tháng kịp thời đầy đủ;

Thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và cổ đông:

Hội đồng Quản trị đã ban hành Quy chế quản trị công ty, trong đó quy định cụ

thể các nội dung phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát nhằm phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty và lợi ích cổ đông;

Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, họp giao ban và các cuộc họp khác nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của công ty cũng như các quyết định của Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc giúp cho công tác giám sát kịp thời và thuận tiện hơn;

Các cán bộ quản lý đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ giúp Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

D. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách tại công ty.

Trong giai đoạn từ 01/11/2015 – 31/12/2016, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ công ty, các công việc thực hiện cụ thể như sau:

+ Ban kiểm soát đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế có hiệu lực từ ngày 01/12/2015. Trên cơ sở quy chế đã ban hành, Ban kiểm soát đã phân công công việc cụ thể cho từng thành viên, lập kế hoạch kiểm tra giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc;

+ Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc; xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý;

+ Thẩm định các Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán. Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập xem xét báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính, giám sát việc thực thi các ý kiến của đơn vị kiểm toán đưa ra;

+ Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi các cổ đông;

+ Thực hiện việc giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, xem xét các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng, chủ trương điều hành của công ty;

Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp, nội dung thông qua các vấn đề sau:

- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (đính kèm theo Quy chế);
- Phân công công việc cho từng thành viên Ban kiểm soát;
- Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2016;

Ngoài ra Ban kiểm soát còn tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kế toán viên hành nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán nâng cao và các chuyên đề về quản lý tài

chính, kế toán, chính sách thuế nhằm đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ, cập nhật kịp thời các quy định của Nhà nước.

E. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Nhận xét:

- Kết quả kinh doanh, tình hình tài chính:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty tốt hơn so với năm 2015. Tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong năm do UBND tỉnh cắt giảm đơn giá xúc rác từ xúc thủ công sang xúc cơ giới, làm ảnh hưởng đến công tác thu gom, vận chuyển và hoạt động kinh doanh của công ty, thêm vào đó công ty phải có chế độ sắp xếp lại lao động dôi dư từ việc cắt giảm các công việc.

- Tính tuân thủ:

Công ty hoạt động tuân thủ theo Điều lệ công ty và chính sách pháp luật của Nhà nước; chấp hành đầy đủ những quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà nước về công bố thông tin và thông báo công chúng.

2. Kiến nghị:

- Về công tác tiền lương:

+ Hiện nay công ty có tổng số lao động là 753 người, việc tính lương cho các phòng ban và bộ phận trực thuộc rất mất nhiều thời gian và dễ bị nhầm lẫn trong tính toán, Kính đề nghị công ty xem xét trang bị phần mềm tính lương, phần mềm quản lý nhân sự để giảm thời gian và rủi ro sai sót trong tính toán.

- Về quản lý công nợ:

+ Đối với một số khoản nợ có khả năng không thu hồi được (khách hàng đã lâm vào tình trạng phá sản, ngừng hoạt động hoặc mất khả năng chi trả,) thì công ty cần đánh giá, xác định lại mức độ tổn thất và có biện pháp xử lý;

+ Các biên bản xác nhận đối chiếu công nợ với khách hàng công ty thu hồi kịp thời và đầy đủ để nhằm đảm bảo một số vấn đề về mặt pháp lý theo đúng quy định.

- Về dự án đầu tư:

+ Trong hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản Công ty rà soát những tồn tại và thiếu sót để rút kinh nghiệm cho các dự án đang và sẽ thực hiện theo đúng quy định;

+ Công ty cần xây dựng quy chế quản lý đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản để đảm bảo tính cạnh tranh, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong công tác đầu tư của Công ty. Trong quá trình thực hiện đầu tư, cần tuân thủ đầy đủ các thủ tục theo quy định của Nhà nước;

+ Hoàn tất công tác bàn giao vốn cho Ngân sách Nhà nước về công trình khu xử lý chất thải huyện Vĩnh cửu: 47.382.461.015 đồng theo đúng quy định .

F. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017:

- Tiếp tục giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc;

- Kế hoạch kiểm tra giám sát và thẩm định báo cáo tài chính năm 2017;

- Kế hoạch kiểm tra lao động tiền lương và kiểm tra công trình XDCB về dự án khu xử lý rác xã Vĩnh Tân Huyện Vĩnh cửu;

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về việc giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi;

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng báo cáo Đại hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Công ty Sonadezi;
- HĐQT, Ban TGD công ty;
- Lưu: BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Ngô Thị Châu Loan

Số: 15/TTr-SZE-BKS

Đồng Nai, ngày 08 tháng 02 năm 2017

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ các quy định hiện hành về quản trị công ty đại chúng;

Thực hiện mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị điều hành, tính công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán sau để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty:

STT	Tên công ty kiểm toán	Địa chỉ liên hệ
1	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (DTL)	Lầu 5, tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
2	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM	389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Đây là các công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và nằm trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các Công ty niêm yết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: BKS.



Ngô Thị Châu Loan

Số: 94 /TTr-SZE-HĐQT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi,

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty như sau:

1. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty: Ngành nghề “Vận tải hàng hóa bằng đường bộ”.
2. Thông qua việc sửa đổi các nội dung của Điều lệ (kèm theo Bảng tổng hợp điều chỉnh và dự thảo Điều lệ Công ty năm 2017).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Lương Minh Hiền

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017

Stt	DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	GHI CHÚ
1	Khoản 5, Điều 2: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	
2	Điều 4. Phạm vi ngành nghề kinh doanh Bổ sung thêm: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	
3	Khoản 3, Điều 5: Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.	
4	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo mẫu của Công ty. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên UPCOM, việc chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán. 3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. 4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác, sử dụng cổ	

	<p>phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Đối với cổ phần người lao động mua thêm theo thời gian cam kết làm việc cho Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian cam kết làm việc cho Công ty thì số cổ phần này sẽ bị hạn chế quyền chuyển nhượng. - Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm này sẽ được tự do chuyển nhượng. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì Công ty có thể mua lại với giá sát dưới giá giao dịch trên thị trường. - Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì có thể bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm này với giá sát dưới giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa. - Hết thời gian cam kết làm việc cho Công ty thì số cổ phần này được tự do chuyển nhượng. 	
5	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng Quản trị; 3. Ban Kiểm soát; 4. Tổng giám đốc. 	
6	<p>Điểm c khoản 2 Điều 11:</p> <p>Điểm c: Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 8 Điều lệ này.</p>	
7	<p>Bổ khoản 3 Điều 11</p>	

8	<p>Điểm c Khoản 1 Điều 21: Điểm c: Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý quy định tại Điều 10 Điều lệ này.</p>	
9	<p>Khoản 3 Điều 21: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát ... Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.</p>	
10	<p>Điểm g Khoản 3 Điều 22: Điểm g: Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	
11	<p>Điểm e Khoản 5 Điều 22: Điểm e: Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p>	
12	<p>Điểm h, i, l Khoản 2 Điều 26: Quyền và nghĩa vụ của HĐQT: Điểm h: Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Điểm i: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này. Điểm l: Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty ngoại trừ cơ cấu tổ chức quản lý Công ty quy định tại Điều 10 Điều lệ này; quyết định quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.</p>	
13	<p>Khoản 2 Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị: ... Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm ít nhất 3 năm trong quản lý kinh doanh cùng lĩnh vực kinh</p>	

	doanh với Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.	
14	<p>Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý:</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc; một (01) Kế toán trưởng; các Giám đốc lĩnh vực, Phó trưởng phòng nghiệp vụ; các Giám đốc, Phó giám đốc Xí nghiệp/Trung tâm; các Trưởng, Phó Đội/Ban quản lý trực thuộc Công ty.</p>	
15	<p>Khoản 2 Điều 32: Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những người quản lý khác do Tổng giám đốc quyết định.</p>	
16	<p>Điểm b khoản 3 Điều 33:</p> <p>Điểm b: Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: ... Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.</p>	
17	<p>Điểm đ khoản 4 Điều 33:</p> <p>Điểm đ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: ... Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Giám đốc lĩnh vực, Phó trưởng phòng nghiệp vụ, Giám đốc, Phó giám đốc xí nghiệp/trung tâm, Trưởng, Phó Đội/Ban quản lý trực thuộc Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.</p>	
18	<p>Khoản 1 Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc:</p> <p>Công ty trả thù lao cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chuyên trách và thành viên Hội đồng Quản trị; trả lương cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách và Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p>	
19	<p>Bổ sung khoản 5 Điều 36. Trách nhiệm của người quản lý Công ty:</p> <p>Người quản lý không được bỏ trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ, làm thủ quỹ, thủ kho trong công ty.</p>	

20	<p>Khoản 2 Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:</p> <p>... Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác.</p>
21	<p>Khoản 1 Điều 45. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát.</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</p> <p>Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>
22	<p>Điều 46. Quan hệ giữa Công ty với công ty mẹ - Tổng công ty Sonadezi:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng công ty Sonadezi (Sonadezi) là công ty mẹ, Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi (Sonaenco) là công ty con có mối quan hệ gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các lợi ích khác, có quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp độc lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 2. Sonadezi giao quyền cho người đại diện theo ủy quyền của Sonadezi trực tiếp thay mặt Sonadezi quản lý các khoản đầu tư của Sonadezi tại Sonaenco trong phạm vi Điều lệ của Sonaenco. 3. Sonadezi quyết định điều chỉnh tăng hoặc thoái vốn đầu tư đối với Sonaenco, bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật và chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Sonadezi trong từng thời kỳ. 4. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của Sonadezi tại Sonaenco được xác định theo quy chế do Hội đồng Quản trị Sonadezi ban hành và tại từng quyết định cử người đại diện theo ủy quyền cụ thể.

	<p>5. Sonadezi sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với Sonaenco mà thực hiện quyền của cổ đông, bên góp vốn thông qua người đại diện theo ủy quyền là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc tại Đại hội đồng cổ đông của Sonaenco. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Sonadezi thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại Sonaenco.</p> <p>6. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Sonadezi và Sonaenco đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.</p>	
23	<p>Điều 47. Phối hợp chung giữa công ty mẹ - Sonadezi và Sonaenco:</p> <p>Công ty mẹ - Sonadezi và Sonaenco phối hợp chung theo các cách sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng quy chế hoạt động chung trên cơ sở thỏa thuận giữa công ty mẹ và Sonaenco. 2. Công ty mẹ sử dụng quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn tại Sonaenco để tổ chức thực hiện các hoạt động phối hợp chung: <ol style="list-style-type: none"> a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh chung; b) Định hướng chiến lược kinh doanh, định hướng phân công lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của Sonaenco; c) Tổ chức công tác tài chính, kế toán, thống kê bao gồm việc lập các Báo cáo tài chính của Sonaenco và Báo cáo tài chính hợp nhất; d) Hình thành, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung của cả Tổng công ty Sonadezi phù hợp với quy định của pháp luật; đ) Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản (nếu có); e) Công tác lao động, tiền lương, y tế, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; g) Công tác an toàn lao động, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường; h) Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ; i) Đặt tên các doanh nghiệp thành viên; sử dụng tên, thương hiệu của Sonadezi; k) Công tác hành chính, công tác đối ngoại của cả Tổng công ty; l) Công tác thi đua khen thưởng, văn hóa, thể thao và các công tác xã hội – từ thiện; m) Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, điều hành và tiêu chuẩn, định mức áp dụng 	

	<p>thống nhất trong cả Tổng công ty;</p> <p>n) Các hoạt động khác phù hợp với đặc điểm của công ty mẹ, Sonaenco, quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ của công ty mẹ và Điều lệ Sonaenco.</p> <p>3. Việc phối hợp giữa công ty mẹ với Sonaenco phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Sonaenco, thỏa thuận giữa công ty mẹ với Sonaenco, vị trí của công ty mẹ trong từng hoạt động phối hợp với Sonaenco.</p> <p>4. Khi công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông hoặc trái với các thỏa thuận với Sonaenco, làm tổn hại đến lợi ích của Sonaenco, thì công ty mẹ và những người có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.</p>
24	<p>Điều 50. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ:</p> <p>1. Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo 2 phương án sau:</p> <p>a) Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ;</p> <p>b) Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.</p> <p>2. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật phá sản.</p>



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI
Số 12 - đường Huỳnh Văn Nghệ - phường Bửu Long
- thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai - Việt Nam
Điện thoại: (061.3)951771 – Fax: (061.3) 952505
Website: www.sonaenco.com.vn

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

NĂM 2017

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	3
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, PHẠM VI, NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động	5
Điều 4. Phạm vi, ngành, nghề kinh doanh	5
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	13
Điều 16. Thay đổi các quyền	15
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	21
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	22
Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị	23
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	24
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	25
Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị	27
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	28
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 32. Người quản lý	28
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	29
CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM VÀ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÓ LIÊN QUAN	30
Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	30
Điều 35. Công khai các lợi ích liên quan	301

Điều 36. Trách nhiệm của người quản lý Công ty.....	32
Điều 37. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc	32
Điều 38. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận	33
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 39. Ban Kiểm soát.....	33
Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	34
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	34
Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	35
Điều 43. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	35
Điều 44. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	36
Điều 45. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	36
CHƯƠNG XI. QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CPPHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP (TỔNG CÔNG TY SONADEZI)	37
Điều 46. Quan hệ giữa Công ty với công ty mẹ - Tổng công ty Sonadezi.....	357
Điều 47. Phối hợp chung giữa công ty mẹ - Sonadezi và Sonaenco	357
CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 48. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	38
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH	39
Điều 49. Phân phối lợi nhuận	39
Điều 50. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ	40
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	40
Điều 51. Tài khoản ngân hàng.....	40
Điều 52. Năm tài chính.....	40
Điều 53. Chế độ kế toán	40
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	41
Điều 54. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	41
Điều 55. Báo cáo thường niên	41
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN.....	41
Điều 56. Kiểm toán.....	41
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	42
Điều 57. Con dấu	42
CHƯƠNG XVIII. CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢI THỂ, TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY	42
Điều 58. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty	42
Điều 59. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty.....	43
Điều 60. Giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.....	44
Điều 61. Thanh lý tài sản Công ty	44
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	45
CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC	45
Điều 64. Hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;

b) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

c) "Người quản lý" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;

d) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

đ. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật, thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

- Tên tiếng Anh: SONADEZI ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch: SONAENCO

- Tên viết tắt: SZE

- Biểu tượng (logo):



2. Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi là doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp, được tổ chức, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 061.3951771 – 061.3952257

- Fax: 061.3952505

- Email: kinhdoanh@sonaenco.com.vn hoặc nhansu@sonaenco.com.vn

- Website: www.sonaenco.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, PHẠM VI, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động

1. Thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích về đô thị quy định tại Luật Đấu thầu.
2. Kinh doanh có lợi nhuận, huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
3. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trên cả hai mặt: Hiệu quả xã hội, hiệu quả kinh doanh.
4. Cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi, ngành, nghề kinh doanh

1. Phạm vi kinh doanh:

a) Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

b) Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

- Thu gom rác thải sinh hoạt;
- Quét dọn đường bộ, vỉa hè, dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế);
- Xử lý nước thải;
- Bán buôn phế liệu;
- Tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ (không tái chế và sản xuất tại trụ sở Công ty);
- Tái chế phế liệu (không tái chế tại trụ sở Công ty);
- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước;
- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình vỉa hè, cầu đường; thi công xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng nhà các loại;
- San lấp mặt bằng;
- Quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố;

- Trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh, hoa kiểng các loại;
- Bán buôn cây xanh, hoa kiểng các loại;
- Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh; xây dựng, quản lý các dịch vụ và duy tu bảo dưỡng phục vụ khu dân cư; xây dựng du lịch, khách sạn, khu vui chơi giải trí, dịch vụ ăn uống, chợ đêm;
- Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông; quản lý kinh doanh du lịch, khách sạn, khu vui chơi giải trí, dịch vụ ăn uống, chợ đêm;
- Duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ;
- Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang;
- Kinh doanh du lịchữ hành nội địa;
- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí, chợ đêm;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Bán buôn thiết bị môi trường;
- Đại lý phân phối các thiết bị về môi trường;
- Khảo sát thiết kế và thi công các công trình điện chiếu sáng, điện trang trí, điện trung thế và trạm biến áp đến 35KV;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 30.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng

ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo Điều 129 và 130 Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên cổ đông và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, cổ đông được cấp chứng nhận cổ phiếu. Cổ đông không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, cổ đông có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu cổ đông đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo mẫu của Công ty. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng

khoán hoặc đăng ký giao dịch trên UPCOM, việc chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác, sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Đối với cổ phần người lao động mua thêm theo thời gian cam kết làm việc cho Công ty:

- Trong thời gian cam kết làm việc cho Công ty thì số cổ phần này sẽ bị hạn chế quyền chuyển nhượng.

- Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm này sẽ được tự do chuyển nhượng. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì Công ty có thể mua lại với giá sát dưới giá giao dịch trên thị trường.

- Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì có thể bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm này với giá sát dưới giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

- Hết thời gian cam kết làm việc cho Công ty thì số cổ phần này được tự do chuyển nhượng.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (theo tỷ lệ không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 8 Điều lệ này;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của cổ đông trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử người vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ

xa; cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên của Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều 25 Điều lệ này;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

đ) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

a) Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:

- Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 60% trở lên tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện.

b) Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

c) Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số lượng cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền.

d) Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

- Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi.

2. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

a) Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa cử người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

b) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười lăm (15) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp;
- c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;
- c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Việc gửi các tài liệu họp có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai

được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó ghi mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, cổ đông giơ thẻ biểu quyết và điền vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Sau khi thu và kiểm phiếu biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa công bố trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có thể hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng cổ đông dự họp cần thiết.

7. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

8. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp.

9. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:

- a) Thông báo cuộc họp được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp có mặt tại đó (Địa điểm chính của cuộc họp);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;

Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia cuộc họp ở địa điểm chính của cuộc họp.

Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết

của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý quy định tại Điều 10 Điều lệ này;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị;

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử.

3. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Cách thức theo quy định tại khoản 2 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14, khoản 1 và khoản 3 Điều 38 của Điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty ngoại trừ cơ cấu tổ chức quản lý Công ty quy định tại Điều 10 Điều lệ này; quyết định quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới là người quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm ít nhất 3 năm trong quản lý kinh doanh cùng lĩnh vực kinh doanh với Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ (Tổng công ty Sonadezi).

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng Quản trị;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ hoặc bất cứ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty hoặc khi có một trong các trường hợp sau:

- a) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- b) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng Quản trị;
- c) Có đề nghị của Ban Kiểm soát.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

7. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị chậm nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp phải đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng

Quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức nghị sự theo khoản 14 Điều này;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

11. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

12. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị tham dự (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

14. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

16. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp.

17. Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra.

18. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp và Điều 27 Điều lệ này;

b) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị;

c) Có đơn từ chức;

d) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Điều lệ này. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thành viên Hội đồng Quản trị tạm thời quy định tại khoản 3 Điều này hoặc bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc; một (01) Kế toán trưởng; các Giám đốc lĩnh vực, Phó trưởng phòng nghiệp vụ; các Giám đốc, Phó giám đốc Xí nghiệp/Trung tâm; các Trưởng, Phó Đội/Ban quản lý trực thuộc Công ty.

Điều 32. Người quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty. Người quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những người quản lý khác do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

c) Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và người đại diện phần vốn của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp tại Công ty;

4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Giám đốc lĩnh vực, Phó trưởng phòng nghiệp vụ, Giám đốc, Phó giám đốc xí nghiệp/trung tâm, Trưởng, Phó Đội/Ban quản lý trực thuộc Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động.

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM VÀ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÓ LIÊN QUAN

Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

1. Công ty trả thù lao cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chuyên trách và thành viên Hội đồng Quản trị; trả lương cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách và Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho những công việc thuộc phạm vi nhiệm vụ thông thường của từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị;

c. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

d. Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách và Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách do Hội đồng Quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

3. Thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài

chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản 4 Điều này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 36. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
5. Người quản lý không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ, làm thủ quỹ, thủ kho trong công ty.

Điều 37. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;
- b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 38. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này.

2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường

trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác;
3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
4. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này;
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 36 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 43. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng Quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 45. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
3. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên;
 - c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XI. QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN (TỔNG CÔNG TY SONADEZI)

Điều 46. Quan hệ giữa Công ty với công ty mẹ - Tổng công ty Sonadezi

1. Tổng công ty Sonadezi (Sonadezi) là công ty mẹ, Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi (Sonaenco) là công ty con có mối quan hệ gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các lợi ích khác, có quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp độc lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Sonadezi giao quyền cho người đại diện theo ủy quyền của Sonadezi trực tiếp thay mặt Sonadezi quản lý các khoản đầu tư của Sonadezi tại Sonaenco trong phạm vi Điều lệ của Sonaenco.
3. Sonadezi quyết định điều chỉnh tăng hoặc thoái vốn đầu tư đối với Sonaenco, bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật và chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Sonadezi trong từng thời kỳ.
4. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của Sonadezi tại Sonaenco được xác định theo quy chế do Hội đồng Quản trị Sonadezi ban hành và tại từng quyết định cử người đại diện theo ủy quyền cụ thể.
5. Sonadezi sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với Sonaenco mà thực hiện quyền của cổ đông, bên góp vốn thông qua người đại diện theo ủy quyền là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc tại Đại hội đồng cổ đông của Sonaenco. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Sonadezi thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại Sonaenco.
6. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Sonadezi và Sonaenco đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.

Điều 47. Phối hợp chung giữa công ty mẹ - Sonadezi và Sonaenco

Công ty mẹ - Sonadezi và Sonaenco phối hợp chung theo các cách sau đây:

1. Xây dựng quy chế hoạt động chung trên cơ sở thỏa thuận giữa công ty mẹ và Sonaenco.

2. Công ty mẹ sử dụng quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn tại Sonaenco để tổ chức thực hiện các hoạt động phối hợp chung:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh chung;

b) Định hướng chiến lược kinh doanh, định hướng phân công lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của Sonaenco;

c) Tổ chức công tác tài chính, kế toán, thống kê bao gồm việc lập các Báo cáo tài chính của Sonaenco và Báo cáo tài chính hợp nhất;

d) Hình thành, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung của cả Tổng công ty Sonadezi phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản (nếu có);

e) Công tác lao động, tiền lương, y tế, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;

g) Công tác an toàn lao động, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường;

h) Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ;

i) Đặt tên các doanh nghiệp thành viên; sử dụng tên, thương hiệu của Sonadezi;

k) Công tác hành chính, công tác đối ngoại của cả Tổng công ty;

l) Công tác thi đua khen thưởng, văn hóa, thể thao và các công tác xã hội – từ thiện;

m) Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, điều hành và tiêu chuẩn, định mức áp dụng thống nhất trong cả Tổng công ty;

n) Các hoạt động khác phù hợp với đặc điểm của công ty mẹ, Sonaenco, quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ của công ty mẹ và Điều lệ Sonaenco.

3. Việc phối hợp giữa công ty mẹ với Sonaenco phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Sonaenco, thỏa thuận giữa công ty mẹ với Sonaenco, vị trí của công ty mẹ trong từng hoạt động phối hợp với Sonaenco.

4. Khi công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông hoặc trái với các thỏa thuận với Sonaenco, làm tổn hại đến lợi ích của Sonaenco, thì công ty mẹ và những người có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm

tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

Điều 49. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận thực hiện của Công ty, sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và bù đắp các khoản lỗ năm trước sẽ thực hiện trích lập các quỹ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

4. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

5. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng tiền, việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

1. Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo 2 phương án sau:

a) Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ;

b) Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật phá sản.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 52. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai (12). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai (12) ngay sau đó.

Điều 53. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 54. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu (6) tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp .

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu (6) tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 55. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN

Điều 56. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều

kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 57. Con dấu

1. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty theo khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc thông báo mẫu con dấu với cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và quy định của Công ty.

4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

CHƯƠNG XVIII. CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢI THỂ, TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY

Điều 58. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Công ty không còn đủ số lượng ba (03) cổ đông trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.

Điều 59. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty trong các trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 58 của Điều lệ này được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá sáu (06) tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị thành lập Ban thanh lý tổ chức thanh lý tài sản Công ty.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

4. Các khoản nợ và chi phí giải thể của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:

a) Các chi phí giải thể Công ty;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản vay (nếu có);

đ) Các khoản nợ khác;

e) Sau khi đã thanh toán hết chi phí giải thể và các khoản nợ của Công ty, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

5. Tổng giám đốc gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.

6. Thực hiện các quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp do Chính phủ quy định.

Điều 60. Giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án

Việc giải thể Công ty theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 58 của Điều lệ này hoặc theo quyết định của Tòa án thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, Công ty phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Quyết định giải thể và bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty. Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba (03) số liên tiếp.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải đồng thời gửi kèm theo quyết định giải thể của doanh nghiệp phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

2. Việc thanh toán các khoản nợ của Công ty được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Điều lệ này.

3. Tổng giám đốc gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.

4. Cá nhân người quản lý Công ty có liên quan phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại Điều này.

Điều 61. Thanh lý tài sản Công ty

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự tại khoản 4 Điều 59 Điều lệ này.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC

Điều 64. Hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 64 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi nhất trí thông qua ngày / /2017 tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Điều lệ này được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau:

a) Một (01) bản nộp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp; một (01) bản nộp tại Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

b) Tám (08) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc.

Đồng Nai, ngày tháng năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp phát có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty như được đề cập trong các Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đang nhận được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. ĐIỀU LỆ

Điều 64. Điều lệ